

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2021/HS-ST
Ngày: 15/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân H**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lưu Th** - Cán bộ hưu trí
2. Bà **Nguyễn Thị Ch** - Cán bộ hưu trí

Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Đức Q** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân K** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ - tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/2020/HSST ngày 20/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2020/QĐXXST-HS ngày 23/12/2020 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: H, sinh năm 1984, tại tỉnh G; Nơi cư trú: Làng ĐK, xã ĐKr, huyện Đ, tỉnh G; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Bahnar; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: Không đi học; Cha: T (đã chết); Mẹ: H - sinh năm 1952, hiện trú tại: Làng ĐK, xã ĐKr, huyện Đ, tỉnh G; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình; Bị cáo có vợ là chị A - sinh năm 1978 và 04 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2016. Hiện vợ con bị cáo sống tại làng ĐK, xã ĐKr, huyện Đ, tỉnh G. Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/8/2020 đến ngày 09/9/2020 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai: R, sinh năm 1983, tại tỉnh G. Nơi cư trú: Làng ĐK, xã ĐKr, huyện Đ, tỉnh G; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Bahnar; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: Không đi học; Cha: R1 (đã chết); Mẹ: R2 (đã chết); Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Bị cáo có vợ là chị Hn - sinh năm 1985 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2012. Hiện vợ con bị cáo sống tại làng ĐK, xã ĐKr, huyện Đ, tỉnh G. Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/8/2020 đến ngày 09/9/2020 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho các bị cáo:* Ông **Huỳnh Văn K** - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh G. Có mặt.

* *Bị hại:*

Anh **Huỳnh Xuân D** - sinh năm 1973

Trú tại: Thôn 01, xã NY, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị A - sinh năm 1978

Trú tại: Làng ĐK, xã ĐKr, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt

2. Chị Hn - sinh năm 1985

Trú tại: Làng ĐK, xã ĐKr, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt

3. Anh K - sinh năm 1996

Trú tại: Làng ĐK, xã ĐKr, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt

4. Anh Hà Đình T - sinh năm 1983

Trú tại: Thôn 3, xã ĐKr, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt

* *Người phiên dịch:* Ông Đinh H'Nan

Địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Khoảng 17 giờ ngày 23/8/2020, trong lúc đang ngồi uống rượu tại nhà thì H nảy sinh ý định trộm cắp máy bơm tại giếng nước trong rẫy của ông Huỳnh Xuân D (sinh năm 1973, trú tại thôn 1, xã NY, huyện Đ, tỉnh G) thuộc làng ĐK, xã ĐKr, huyện Đ nên rủ R cùng tham gia. R đồng ý và đi về nhà lấy 02 chiếc đèn pin của gia đình rồi quay lại nhà H tiếp tục uống rượu. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, H cầm theo 01 chiếc đèn pin của gia đình, còn R mang theo 02 chiếc đèn pin đi bộ đến rẫy cà phê của ông D. Cả hai đi đến giếng nước trong rẫy của ông D dùng tay để một nửa nắp giếng ra rồi kéo chiếc máy bơm nước nhãn hiệu Đông Jin, công suất 03 HP được treo dưới giếng lên. Sau khi tháo ống nước, dây thừng và dây điện ra, cả hai thay phiên nhau vác chiếc máy bơm mang về nhà H cất giấu rồi đi ngủ. Khoảng 05 giờ ngày 24/8/2020, H ngủ dậy và đi bộ đến nhà của em vợ tên là K (sinh năm 1996) tại làng ĐK, xã ĐKr, huyện Đ mượn chiếc xe mô tô biển số 81C1 - 143.92 rồi điều khiển về nhà. Sau đó, H điều khiển chiếc xe mô tô 81C1 - 143.92 chở R cùng chiếc máy bơm đã trộm cắp được của ông D đi đến tiệm sửa chữa điện cơ của anh Hà Đình T (sinh năm 1983) tại Thôn 3, xã ĐKr, huyện Đ để bán. Anh T có hỏi nguồn gốc của chiếc máy bơm thì H nói của gia đình và đang cần tiền nên bán. Sau khi thỏa thuận, Anh T đã đồng ý mua chiếc máy bơm với số tiền 1.000.000 đồng và đưa tiền cho H. Số tiền này H và R chia nhau mỗi người 400.000 đồng, còn lại 200.000 đồng cả hai mua rượu, thịt và thuốc lá rồi cùng nhau ăn nhậu hết. Số tiền 400.000 đồng do bán máy bơm trộm cắp mà có, hai bị cáo đã sử dụng để mua gạo cho gia đình, mua bánh kẹo cho con và mua thuốc lá cho cá nhân. Đến ngày 31/8/2020, H đã đến Công an xã ĐKr, huyện Đ trình diện và khai nhận hành vi trộm cắp vào ngày 23/8/2020. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã lập Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú đối với H và tiến hành bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với R. Cả hai đã bị tạm giữ từ ngày 31/8/2020 đến ngày 09/9/2020 và đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Chiếc máy bơm này Anh T đã bán lại cho người khác với số tiền 1.000.000 đồng nhưng không rõ nhân thân, lai lịch nên không thu giữ được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 123 ngày 07/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân huyện Đ kết luận: 01 máy bơm nước nhãn hiệu Đông Jin, công suất 03 HP tại thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá là 2.550.000 đồng.

2. Về vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã thu giữ của H 01 chiếc đèn pin đội đầu nhãn hiệu Victory Smiles; thu giữ của R 02 chiếc đèn pin đội đầu nhãn hiệu Lê Huy và nhãn hiệu Lomingli. Qua điều tra xác định việc các bị cáo sử dụng những tài sản này làm công cụ để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, gia đình các bị cáo hoàn toàn không biết nên không có căn cứ để xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trả lại các tài sản này cho chị A (vợ của bị cáo H) và chị Hn (vợ của bị cáo R) là hoàn toàn có căn cứ.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 81C1-143.92 mà các bị cáo sử dụng làm phương tiện chở tài sản trộm cắp được đi bán, qua điều tra xác định là tài sản của anh K (là em vợ của bị cáo H). Tuy nhiên, anh K hoàn toàn không biết việc các bị cáo trộm cắp tài sản và sử dụng chiếc xe này chở tài sản trộm cắp đi bán nên không có căn cứ để thu giữ và xử lý.

3. Về dân sự:

Bị hại là anh Huỳnh Xuân D không nhận lại được tài sản bị trộm cắp. Tuy nhiên, vì thấy hoàn cảnh gia đình của các bị cáo khó khăn nên anh Danh đã cho các bị cáo trị giá của chiếc máy bơm này, không yêu cầu bồi thường.

4. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Tại bản cáo trạng số: 39/CT-VKS ngày 28/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tỉnh G đã truy tố bị cáo Thông về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố và đề nghị:

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo H từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng; Xử phạt bị cáo R từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Về vật chứng: Đã được xử lý đúng quy định trong giai đoạn điều tra.

Về dân sự: Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có yêu cầu bồi thường dân sự nên không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Tuyên xử các bị cáo mức hình phạt thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố và mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng đã được người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào buổi tối ngày 23/8/2020, H và R đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc máy bơm nước nhãn hiệu Đông Jin, công suất 03 HP có trị giá 2.550.000 đồng của anh Huỳnh Xuân D tại giếng nước trong rẫy thuộc làng ĐK, xã ĐKr, huyện Đ. Đến ngày 31/8/2020, hành vi phạm trộm cắp nêu trên của H và R đã bị phát hiện.

Đây là vụ án có nhiều bị cáo cùng thực hiện tội phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, trong đó H là người khởi xướng, rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, còn bị cáo R tham gia đồng phạm với vai trò giúp sức tích cực trong việc thực hiện tội phạm.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm vào quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Các bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, lén lút thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật, gây mất trật tự trị an xã hội. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố đối với các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; các bị cáo đều là người có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thể hiện sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; các bị cáo là người dân tộc thiểu số, không đi học nên nhận thức pháp luật có sự hạn chế, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; riêng bị cáo H sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự sẽ được áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với các bị cáo cũng như xét các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù có thời hạn mà chỉ cần xử phạt mức hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với chị A (vợ của bị cáo H) và chị Hn (vợ của bị cáo R) không biết hành vi trộm cắp của hai bị cáo cũng như việc các bị cáo mang máy bơm trộm cắp về nhà H

cất giấu. Sau khi bán tài sản trộm cắp, các bị cáo đã sử dụng số tiền này để mua gạo, đồ ăn cho gia đình nhưng cả chị A và chị Hn hoàn toàn không biết nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với anh Hà Đình T là người đã mua chiếc máy bơm do H và R mang đến bán. Tuy nhiên, Anh T không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với anh K là người đã cho bị cáo H mượn chiếc xe mô tô biển số 81C1 - 143.92, sau đó các bị cáo sử dụng chiếc xe này chở máy bơm đã trộm cắp được đi bán. Tuy nhiên, anh K hoàn toàn không biết các bị cáo sử dụng chiếc xe của mình làm phương tiện chở tài sản trộm cắp mà có đi tiêu thụ nên không có căn cứ để xử lý.

[3] Về vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra Công an huyện Đ đã trả lại các tài sản cho chủ sở hữu theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Về dân sự: Bị hại anh Huỳnh Xuân D thấy hoàn cảnh gia đình của các bị cáo khó khăn nên đã cho các bị cáo trị giá của chiếc máy bơm này, không yêu cầu bồi thường; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có yêu cầu gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.
- Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;
- Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo **H và **R** phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.**

Xử phạt bị cáo H 06 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 15/01/2021.

Xử phạt bị cáo R 06 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 15/01/2021.

Giao các bị cáo H và R cho Ủy ban nhân dân xã ĐKr, huyện Đ, tỉnh G nơi các bị cáo cư trú và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Buộc bị cáo H và R, mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/01/2021); Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn này kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- Công an huyện Đ;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Bị cáo; Bị hại
- Người có qlnvq đến vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HS, AV, VT;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân H